

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)
(Kỳ kiểm tra lần thứ 01, ngày 26/03/2023)

(Ban hành theo Quyết định số /MYH23/VHU/QĐ ngày tháng năm 2023)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.01.001	191A140003	Nguyễn Thị Thúy	An	17/11/1997	Trà Vinh	8.0	8.4	9.0	6.8	32.2	8.1	Đậu	
2	VHU.TAC1.01.002	218A140206	Cà Hoàng	Ân	15/04/1987	Lâm Đồng	5.5	9.1	9.5	6.3	30.4	7.6	Đậu	
3	VHU.TAC1.01.003	218A140042	Đỗ Thị Hồng	Ân	14/12/1997	Tây Ninh	2.0	10.0	10.0	5.5	27.5	6.9	Rớt	
4	VHU.TAC1.01.004	191A140133	Hoàng Lan	Anh	05/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.5	10.0	9.2	7.8	34.5	8.6	Đậu	
5	VHU.TAC1.01.005	218A140111	Phạm Thị Vân	Anh	05/12/1978	Ninh Bình	5.5	8.9	8.1	8.0	30.5	7.6	Đậu	
6	VHU.TAC1.01.006	201A140004	Phùng Ngọc	Anh	22/08/2001	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
7	VHU.TAC1.01.007	218A140032	Nguyễn Hoàng	Anh	18/07/1984	TP. Hồ Chí Minh	7.5	8.9	9.5	4.5	30.4	7.6	Đậu	
8	VHU.TAC1.01.008	218A140186	Vũ Thị Lan	Anh	30/09/1977	Hải Phòng	7.0	5.9	9.8	7.3	30.0	7.5	Đậu	
9	VHU.TAC1.01.009	181A140305	Bùi Thị Trúc	Anh	10/07/2000	Bình Phước	5.0	8.6	7.3	6.3	27.2	6.8	Đậu	BL: Nói: 5.0
10	VHU.TAC1.01.010	181A140247	Lê Đoàn Huê	Anh	14/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	5.8	5.6	4.0	21.4	5.4	Đậu	
11	VHU.TAC1.01.011	161A140419	Trần Ngọc Lan	Anh	07/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	5.0	8.6	5.9	5.5	25.0	6.3	Đậu	
12	VHU.TAC1.01.012	218A140204	Cao Thế	Anh	01/11/1984	Quảng Ngãi	6.5	7.9	9.5	5.8	29.7	7.4	Đậu	
13	VHU.TAC1.01.013	181A140188	Nguyễn Gia	Bảo	26/06/2000	Phú Quốc	5.5	7.9	9.5	4.0	26.9	6.7	Đậu	
14	VHU.TAC1.01.014	171A140323	Nguyễn Kim	Châu	06/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.5	8.6	9.2	6.5	30.8	7.7	Đậu	
15	VHU.TAC1.01.015	218A140197	Trần Ngọc Trân	Châu	01/08/1997	TP. Hồ Chí Minh	5.0	5.9	7.3	6.3	24.5	6.1	Đậu	
16	VHU.TAC1.01.016	198A140011	Đỗ Tuyết	Châu	01/01/1983	Tiền Giang	5.5	9.2	9.0	5.5	29.2	7.3	Đậu	
17	VHU.TAC1.01.017	218A140215	Nguyễn Thị Thu	Chi	22/02/1988	Quảng Trị	3.5	9.6	8.1	4.5	25.7	6.4	Đậu	
18	VHU.TAC1.01.018	161A140310	Phạm Công	Danh	05/03/1997	TP. Hồ Chí Minh	6.0	7.3	7.3	6.0	26.6	6.7	Đậu	
19	VHU.TAC1.01.019	191A140107	Trần Huỳnh Ca	Dao	31/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	5.0	7.9	5.3	5.0	23.2	5.8	Đậu	
20	VHU.TAC1.01.020	218A140038	Nguyễn Minh	Điện	18/06/1981	Thái Nguyên					0.0	0.0	Rớt	Vắng
21	VHU.TAC1.01.021	218A140184	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	09/02/1995	Đắk Lắk	5.5	7.3	9.5	5.8	28.1	7.0	Đậu	
22	VHU.TAC1.01.022	218A140037	Nguyễn Quốc	Định	03/08/1981	Đồng Tháp					0.0	0.0	Rớt	Vắng
23	VHU.TAC1.01.023	218A140096	Nguyễn Thành	Đông	20/08/1989	Bình Dương	6.5	9.6	8.1	7.3	31.5	7.9	Đậu	
24	VHU.TAC1.01.024	218A140125	Lê Thị Mỹ	Đức	11/03/1987	Lâm Đồng	6.5	9.7	9.8	5.3	31.3	7.8	Đậu	
25	VHU.TAC1.01.025	218A140113	Phạm Thị Kiều	Dung	27/08/1982	Ninh Bình	5.0	9.7	9.2	7.3	31.2	7.8	Đậu	
26	VHU.TAC1.01.026	218A140174	Nguyễn Thùy	Dung	21/02/1986	Bình Thuận	5.0	7.6	9.0	6.8	28.4	7.1	Đậu	
27	VHU.TAC1.01.027	218A140080	Trịnh Thị Mỹ	Dung	22/11/1982	TP. Hồ Chí Minh	6.0	9.2	7.6	6.0	28.8	7.2	Đậu	
28	VHU.TAC1.01.028	218A140013	Nguyễn Phước	Dũng	26/08/1980	TP. Hồ Chí Minh	4.0	7.3	7.6	5.0	23.9	6.0	Đậu	
29	VHU.TAC1.01.029	218A140139	Phạm Ngọc	Dũng	07/11/1983	Ninh Bình	6.0	5.6	7.6	5.5	24.7	6.2	Đậu	
30	VHU.TAC1.01.030	218A140030	Nguyễn Vũ Minh	Duy	05/08/1983	Đồng Tháp	4.0	8.0	9.0	7.0	28.0	7.0	Đậu	
31	VHU.TAC1.01.031	218A140222	Phạm Hồng	Duyên	06/07/1981	TP. Hồ Chí Minh	4.5	7.3	7.8	6.8	26.4	6.6	Đậu	
32	VHU.TAC1.01.032	218A140039	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	29/09/1979	Bình Dương	6.5	8.4	9.5	7.3	31.7	7.9	Đậu	
33	VHU.TAC1.01.033	218A140105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	19/11/1982	Bình Thuận	6.5	6.4	6.2	5.0	24.1	6.0	Đậu	
34	VHU.TAC1.01.034	218A140143	Hoàng Trương Đông	Hà	25/02/1987	TP. Hồ Chí Minh	7.0	7.6	7.3	7.5	29.4	7.4	Đậu	
35	VHU.TAC1.01.035	181A140283	Nguyễn Thị Thanh	Hà	09/07/2000	Bình Thuận	5.0	5.0	8.4	6.5	24.9	6.2	Đậu	BL: Nói: 5.0, Nghe: 5.0
36	VHU.TAC1.01.036	218A140142	Bùi Thị Thúy	Hằng	07/09/1981	Thái Nguyên	6.0	7.4	6.2	6.0	25.6	6.4	Đậu	
37	VHU.TAC1.01.037	208A140027	Hà Ngọc	Hạnh	03/12/1980	Đồng Nai					0.0	0.0	Rớt	Vắng
38	VHU.TAC1.01.038	218A140176	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	26/01/1995	Quảng Ngãi	7.0	9.6	9.8	7.3	33.7	8.4	Đậu	
39	VHU.TAC1.01.039	181A140415	Võ Hoàng	Háo	05/07/2000	Đồng Nai	4.5	8.6	9.0	5.0	27.1	6.8	Đậu	
40	VHU.TAC1.01.040	181A140092	Dương Văn	Hậu	15/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.0	4.3	2.8	1.3	14.4	3.6	Rớt	
41	VHU.TAC1.01.041	214A140022	Phạm Thanh	Hậu	03/03/1996	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
42	VHU.TAC1.01.042	218A140192	Trần Xuân	Hiệp	05/07/1984	HCM	5.0	2.3	1.2	1.5	10.0	2.5	Rớt	
43	VHU.TAC1.01.043	181A140133	Vưu Thanh	Hiếu	23/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.0	5.3	5.0	2.0	18.3	4.6	Rớt	BL: Nói: 6.0
44	VHU.TAC1.01.044	218A140100	Ngô Lê Mạnh	Hiếu	30/08/1988	Đồng Nai	5.5	8.7	8.1	5.8	28.1	7.0	Đậu	
45	VHU.TAC1.01.045	151A140805	Phạm Thị Thanh	Hoa	1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
46	VHU.TAC1.01.046	218A140060	Trần Thị Thu	Hòa	03/12/1993	Ninh Thuận	6.0	7.3	9.0	6.5	28.8	7.2	Đậu	
47	VHU.TAC1.01.047	218A140040	Trần Thị	Hoài	11/12/1992	Quảng Trị	2.0	8.3	6.6	5.0	21.9	5.5	Rớt	
48	VHU.TAC1.01.048	151A140264	Hồ Nguyễn Minh	Hoàng	21/10/1996	Nha Trang	5.5	4.3	4.8	1.3	15.9	4.0	Rớt	BL: Nói: 5.5
49	VHU.TAC1.01.049	218A140036	Trần Minh	Hoàng	21/11/1977	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
50	VHU.TAC1.01.050	218A140149	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1982	TP. Hồ Chí Minh	5.0	6.3	4.1	3.0	18.4	4.6	Rớt	
51	VHU.TAC1.01.051	218A140108	Lê Thị	Hoạt	05/10/1983	Ninh Bình	6.0	4.6	3.9	3.8	18.3	4.6	Rớt	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
52	VHU.TAC1.01.052	218A140208	Lê Văn	Hội	09/01/1975	Nam Định	5.0	5.0	7.0	6.3	23.3	5.8	Đậu	
53	VHU.TAC1.01.053	218A140127	Đinh Trần Thu	Hương	20/11/1990	Lâm Đồng	6.0	7.8	8.1	6.3	28.2	7.1	Đậu	
54	VHU.TAC1.01.054	218A140008	Tăng Ngọc	Hương	14/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	4.0	6.9	9.0	4.5	24.4	6.1	Đậu	
55	VHU.TAC1.01.055	191A140280	Hà Thu	Huyền	08/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	7.0	8.6	7.3	5.8	28.7	7.2	Đậu	
56	VHU.TAC1.01.056	181A140183	Hoàng Lê Như	Huyền	22/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.0	1.3	2.5	1.3	10.1	2.5	Rớt	
57	VHU.TAC1.01.057	171A140171	Lê Thị Bích	Huyền	09/11/1999	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
58	VHU.TAC1.01.058	218A140110	Nguyễn Quang	Khải	18/02/1989	Bến Tre	7.5	9.4	8.4	7.8	33.1	8.3	Đậu	
59	VHU.TAC1.01.059	181A140147	Ngô Trà	Khanh	16/10/2000	Khánh Hoà	5.5	1.7	1.1	0.3	8.6	2.2	Rớt	
60	VHU.TAC1.01.060	218A140099	Tô Lê Nguyễn	Khoa	27/05/1980	TP. Hồ Chí Minh	6.5	7.3	8.7	6.3	28.8	7.2	Đậu	
61	VHU.TAC1.01.061	218A140101	Võ Anh	Khoa	12/07/1996	Lâm Đồng	5.0	7.1	8.1	6.0	26.2	6.6	Đậu	
62	VHU.TAC1.01.062	218A140144	Nguyễn	Kông	27/07/1990	Kiên Giang	2.5	6.8	5.9	6.8	22.0	5.5	Rớt	
63	VHU.TAC1.01.063	191A140276	Vũ Trần Uyên	Lam	12/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	7.5	6.6	4.2	4.8	23.1	5.8	Đậu	
64	VHU.TAC1.01.064	218A140020	Phạm Văn	Lâm	09/01/1991	Thanh Hóa	8.5	6.9	8.7	6.8	30.9	7.7	Đậu	
65	VHU.TAC1.01.065	218A140169	Đào Thị Phương	Lan	06/08/1987	Thái Bình	5.0	7.8	8.1	8.0	28.9	7.2	Đậu	
66	VHU.TAC1.01.066	218A140097	Nguyễn Ngọc Phong	Lan	02/07/1986	Bến Tre	5.0	9.2	8.4	7.0	29.6	7.4	Đậu	
67	VHU.TAC1.01.067	142A580039	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ	29/07/1995	Bến Tre	7.5	6.1	7.6	8.0	29.2	7.3	Đậu	
68	VHU.TAC1.01.068	181A140114	Phan Thị Mỹ	Lệ	08/08/2000	Ninh Thuận	5.5	7.9	5.0	7.0	25.4	6.4	Đậu	BL: Đọc: 5.5
69	VHU.TAC1.01.069	218A140052	Trịnh Phạm Mỹ	Lệ	17/10/1982	Bình Định	5.5	9.1	6.9	6.5	28.0	7.0	Đậu	
70	VHU.TAC1.01.070	208A140007	Phan Thị Kiều	Linh	07/09/1992	Long An	5.0	7.8	7.8	5.5	26.1	6.5	Đậu	
71	VHU.TAC1.01.071	171A140124	Trịnh Thị Mỹ	Linh	18/08/1999	Đắk Lắk					0.0	0.0	Rớt	Vắng
72	VHU.TAC1.01.072	218A140148	Lương Mỹ	Linh	30/07/1992	HCM	8.5	10.0	9.2	8.0	35.7	8.9	Đậu	
73	VHU.TAC1.01.073	218A140023	Phan Thị Mỹ	Linh	05/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.5	7.3	9.2	5.5	28.5	7.1	Đậu	
74	VHU.TAC1.01.074	218A140221	Phạm Thị Bích	Loan	10/05/1987	Bình Định	7.0	7.3	10.0	6.0	30.3	7.6	Đậu	
75	VHU.TAC1.01.075	218A140117	Nguyễn Kim	Loan	10/12/1987	Khánh Hòa	6.5	4.3	3.1	3.5	17.4	4.4	Rớt	
76	VHU.TAC1.01.076	171A140169	Lê Hoàng	Lộc	02/06/1999	Đồng Tháp					0.0	0.0	Rớt	Vắng
77	VHU.TAC1.01.077	218A140115	Phan Hồ Mỹ	Lợi	26/10/1995	Lâm Đồng	6.0	6.8	7.8	5.0	25.6	6.4	Đậu	
78	VHU.TAC1.01.078	218A140024	Nguyễn Việt	Lợi	02/09/1987	Hà Tĩnh	5.0	7.3	9.8	4.8	26.9	6.7	Đậu	
79	VHU.TAC1.01.079	218A140054	Nguyễn Việt	Lợi	04/12/1982	Thừa Thiên Huế	7.0	9.6	9.2	6.8	32.6	8.2	Đậu	
80	VHU.TAC1.01.080	161A140274	Chê Dịch	Lùng	30/11/1998	Đồng Nai	9.0	9.7	8.4	6.8	33.9	8.5	Đậu	
81	VHU.TAC1.01.081	218A140041	Vũ Thị	Mai	02/12/1986	Nam Định	4.5	8.7	7.0	5.3	25.5	6.4	Đậu	
82	VHU.TAC1.01.082	161A140458	Nguyễn Phạm Sao	Mai	16/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	9.0	6.9	5.6	4.5	26.0	6.5	Đậu	
83	VHU.TAC1.01.083	218A140150	Phan Trần Trúc	Mai	10/11/1984	HCM	5.0	1.7	1.4	1.5	9.6	2.4	Rớt	
84	VHU.TAC1.01.084	218A140173	Phạm	Minh	17/10/1990	Bình Thuận	8.0	8.6	9.2	7.5	33.3	8.3	Đậu	
85	VHU.TAC1.01.085	218A140102	Bùi Hoàng	Mol	10/11/1994	Bến Tre	8.0	8.4	8.4	5.0	29.8	7.5	Đậu	
86	VHU.TAC1.01.086	181A140534	Nguyễn Thái	Mỹ	29/07/1999	Trà Vinh	7.0	7.3	3.4	4.5	22.2	5.6	Đậu	
87	VHU.TAC1.01.087	208A140008	Nguyễn Chấn	Nam	19/05/1993	Thanh Hoá	6.5	8.3	8.1	5.8	28.7	7.2	Đậu	BL: Nói: 6.5
88	VHU.TAC1.01.088	218A140077	Trần Phương	Nam	22/12/1985	Đồng Nai	5.5	8.3	9.0	5.3	28.1	7.0	Đậu	
89	VHU.TAC1.01.089	218A140064	Phạm Thị	Nga	05/12/1980	TP. Hồ Chí Minh	6.5	9.6	9.2	6.0	31.3	7.8	Đậu	
90	VHU.TAC1.01.090	191A140030	Phạm Kim Châu	Ngân	21/07/2001	Gia Lai	8.5	9.6	5.9	7.0	31.0	7.8	Đậu	
91	VHU.TAC1.01.091	218A140217	Phạm Thị Kim	Ngân	20/03/1993	Tiền Giang	5.0	10.0	9.0	6.0	30.0	7.5	Đậu	
92	VHU.TAC1.01.092	181A140373	Bùi Nguyễn Phương	Nghi	12/11/2000	Bình Dương	8.5	9.4	9.0	5.3	32.2	8.1	Đậu	
93	VHU.TAC1.01.093	151A140587	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21/12/1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
94	VHU.TAC1.01.094	151A150587	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21/12/1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
95	VHU.TAC1.01.095	218A140119	Phạm Nguyễn Mai	Ngọc	20/03/1995	Lâm Đồng	9.0	9.2	7.8	6.5	32.5	8.1	Đậu	
96	VHU.TAC1.01.096	181A140222	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	04/03/2000	Nam Định	8.0	4.3	5.0	5.0	22.3	5.6	Đậu	
97	VHU.TAC1.01.097	218A140091	Lương Quý	Ngọc	02.05.1983	TP. Hồ Chí Minh	5.0	5.3	2.8	6.0	19.1	4.8	Rớt	
98	VHU.TAC1.01.098	151A140522	Lê Thị Thảo	Nguyễn	14/09/1997	Đồng Tháp					0.0	0.0	Rớt	Vắng
99	VHU.TAC1.01.099	218A140093	Dương Thị	Nhân	24/10/1990	Nghệ An	6.5	7.9	6.2	6.0	26.6	6.7	Đậu	
100	VHU.TAC1.01.100	218A140034	Nguyễn Ngọc	Nhân	25/01/1983	Long An					0.0	0.0	Rớt	Vắng
101	VHU.TAC1.01.101	171A030320	Phùng Mạnh	Nhi	16/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	8.5	8.4	6.2	6.3	29.4	7.4	Đậu	
102	VHU.TAC1.01.102	218A140003	Hồ Thảo	Nhi	23/02/1998	Kiên Giang	9.5	4.0	4.2	4.5	22.2	5.6	Đậu	
103	VHU.TAC1.01.103	181A140191	Lê Hoàng Tuyết	Nhung	24/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	8.5	1.7	2.5	1.8	14.5	3.6	Rớt	
104	VHU.TAC1.01.104	181A140044	Võ Ngọc Hồng	Nhung	06/11/1998	TP. Hồ Chí Minh	8.0	9.4	6.7	5.8	29.9	7.5	Đậu	
105	VHU.TAC1.01.105	181A140197	Hồ Hồng	Nhung	14/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	9.5	4.3	4.3	3.8	21.9	5.5	Đậu	
106	VHU.TAC1.01.106	181A140388	Lê Thị Hồng	Nhung	23/02/2000	Tây Ninh	6.0	5.0	3.9	5.3	20.2	5.1	Đậu	BL: Nói: 6.0

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
107	VHU.TAC1.01.107	218A140046	Nguyễn Thị	Oanh	20/01/1986	Long An	6.5	6.1	4.8	6.8	24.2	6.1	Đậu	
108	VHU.TAC1.01.108	218A140058	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	28/01/1995	Quảng Nam	7.5	7.8	8.4	6.8	30.5	7.6	Đậu	
109	VHU.TAC1.01.109	151A140111	Trịnh Tấn	Phát	20/06/1997	Bình Dương	8.5	5.3	6.4	5.3	25.5	6.4	Đậu	
110	VHU.TAC1.01.110	218A140079	Nguyễn Xuân	Phi	22/06/1980	Quảng Bình					0.0	0.0	Rớt	Vắng
111	VHU.TAC1.01.111	181A140070	Lê Thanh	Phong	21/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	8.5	5.1	9.8	3.5	26.9	6.7	Đậu	
112	VHU.TAC1.01.112	218A140014	Nguyễn Anh	Phúc	24/10/1985	Bình Thuận	9.0	9.6	7.0	5.8	31.4	7.9	Đậu	
113	VHU.TAC1.01.113	181A140030	Nguyễn Thành	Phúc	24/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	10.0	7.0	5.0	28.0	7.0	Đậu	BL: Nói: 6.0
114	VHU.TAC1.01.114	181A270001	Vũ Thị Bảo	Phuong	23/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.0	5.0	5.0	3.0	19.0	4.8	Rớt	BL: Nói: 6.0, Nghe: 5.0
115	VHU.TAC1.01.115	218A140116	Phạm Bích	Phượng	22/12/1987	Lâm Đồng	8.5	9.2	7.8	6.0	31.5	7.9	Đậu	
116	VHU.TAC1.01.116	181A140107	Đỗ	Quang	18/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	9.5	9.7	9.5	7.0	35.7	8.9	Đậu	
117	VHU.TAC1.01.117	218A140057	Nguyễn Đình	Quang	18/09/1978	Bình Định	7.5	6.9	5.3	5.5	25.2	6.3	Đậu	
118	VHU.TAC1.01.118	218A140124	Nguyễn Thị Kim	Quý	24/07/1978	Ninh Thuận	7.5	9.4	8.4	8.5	33.8	8.5	Đậu	
119	VHU.TAC1.01.119	201A140005	Nguyễn Trang	Quyên	19/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	5.5	6.3	3.6	3.3	18.7	4.7	Rớt	
120	VHU.TAC1.01.120	151A140469	Đào Thị Ngọc	Quyên	06/05/1992	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
121	VHU.TAC1.01.121	218A140029	Bùi Gia	Rương	29/09/1986	Thái Bình	5.5	6.8	6.2	3.8	22.3	5.6	Đậu	
122	VHU.TAC1.01.122	218A140050	Lý Minh	Sang	19/04/1981	TP. Hồ Chí Minh	5.5	7.8	5.0	7.0	25.3	6.3	Đậu	
123	VHU.TAC1.01.123	218A140106	Nguyễn Nghĩa	Son	05/08/1988	Trà Vinh	7.0	6.6	7.6	6.8	28.0	7.0	Đậu	
124	VHU.TAC1.01.124	171A140266	Trần Thanh Hữu	Tài	30/8/1999	Bình Dương	9.0	5.8	6.4	6.5	27.7	6.9	Đậu	
125	VHU.TAC1.01.125	218A140159	Lê Văn	Tám	02/10/1980	Ninh Bình	5.0	6.9	7.3	3.8	23.0	5.8	Đậu	
126	VHU.TAC1.01.126	218A140189	Nguyễn Đặng Linh	Tâm	24/04/1994	Vĩnh Long					0.0	0.0	Rớt	Vắng
127	VHU.TAC1.01.127	218A140047	Nguyễn Duy	Tâm	16/01/1990	Đồng Nai	6.0	2.6	2.0	1.0	11.6	2.9	Rớt	
128	VHU.TAC1.01.128	218A140025	Nguyễn Duy	Tân	10/02/1989	Bình Phước	6.5	9.2	9.5	6.5	31.7	7.9	Đậu	
129	VHU.TAC1.01.129	218A140048	Nguyễn Thị	Tấn	08/05/1992	Ninh Bình	5.0	4.1	5.3	6.5	20.9	5.2	Đậu	
130	VHU.TAC1.01.130	218A140140	Hồ Thị Hồng	Thắm	20/02/1992	An Giang					0.0	0.0	Rớt	Vắng
131	VHU.TAC1.01.131	218A140031	Nguyễn Thanh	Thắng	05/06/1982	Bình Định	5.0	6.9	7.0	4.8	23.7	5.9	Đậu	
132	VHU.TAC1.01.132	151A140279	Lê Lan	Thanh	17/06/1997	Vĩnh long					0.0	0.0	Rớt	Vắng
133	VHU.TAC1.01.133	181A140202	Lâm Văn	Thanh	25/12/2000	Tây Ninh	6.5	5.0	5.2	7.5	24.2	6.1	Đậu	BL: Đọc: 5.2
134	VHU.TAC1.01.134	151A140024	Phạm Quế	Thanh	23/02/1997	TP. Hồ Chí Minh	8.5	9.2	6.7	7.5	31.9	8.0	Đậu	
135	VHU.TAC1.01.135	218A140019	Mã La	Thành	07/09/1990	Đồng Nai	7.0	7.4	7.3	4.0	25.7	6.4	Đậu	
136	VHU.TAC1.01.136	191A140249	Ngô Phạm Hương	Thảo	02/03/2001	Quảng Ngãi	10.0	10.0	9.2	7.0	36.2	9.1	Đậu	
137	VHU.TAC1.01.137	218A140056	Lý Minh	Thảo	20/07/1982	TP. Hồ Chí Minh	9.5	10.0	9.5	6.3	35.3	8.8	Đậu	
138	VHU.TAC1.01.138	218A140224	Nguyễn Thị Thu	Thảo	05/03/1983	Quảng Ngãi	6.0	6.9	9.0	7.5	29.4	7.4	Đậu	
139	VHU.TAC1.01.139	151A140262	Trần Thị Thanh	Thảo	09/10/1997	Gia Lai	7.0	9.2	8.7	3.5	28.4	7.1	Đậu	
140	VHU.TAC1.01.140	218A140043	Phan Thị Minh	Thảo	23/01/1990	Khánh Hoà	7.5	9.2	8.4	6.5	31.6	7.9	Đậu	
141	VHU.TAC1.01.141	218A140078	Hà Thị Thu	Thảo	16/11/1987	TP. Hồ Chí Minh	5.0	5.0	4.2	3.3	17.5	4.4	Rớt	
142	VHU.TAC1.01.142	218A140081	Đặng Ngọc	Thêm	2/12/1984	Quảng Nam	5.0	5.0	4.5	3.5	18.0	4.5	Rớt	
143	VHU.TAC1.01.143	161A140451	Nay	Tho	01/01/1997	Gia Lai	6.0	3.3	2.8	1.8	13.9	3.5	Rớt	
144	VHU.TAC1.01.144	218A140145	Nguyễn Thị Mỹ	Thọ	28/08/1984	Bình Định	5.5	5.0	4.8	2.8	18.1	4.5	Rớt	
145	VHU.TAC1.01.145	218A140146	Đặng Thành	Thức	16/06/1984	Bình Định	2.0	5.9	5.6	2.3	15.8	4.0	Rớt	
146	VHU.TAC1.01.146	181A140108	Hoàng Thị	Thương	01/08/2000	Quảng Bình	5.5	6.9	7.6	5.5	25.5	6.4	Đậu	BL: Nói: 5.5
147	VHU.TAC1.01.147	218A140114	Hồ Trần Hoàng	Tiến	30/09/1995	Đà Lạt	7.5	10.0	8.1	6.3	31.9	8.0	Đậu	
148	VHU.TAC1.01.148	181A140166	Trương Minh	Tiến	15/07/2000	Sóc Trăng	6.0	9.1	5.3	4.0	24.4	6.1	Đậu	
149	VHU.TAC1.01.149	151A140826	Nguyễn Thị	Tĩnh	05/05/1997	Bạc Liêu	6.0	8.6	8.1	6.5	29.2	7.3	Đậu	
150	VHU.TAC1.01.150	208A140038	Nguyễn Đức	Toàn	10/10/1986	Bình Định					0.0	0.0	Rớt	Vắng
151	VHU.TAC1.01.151	191A140223	Huỳnh Thị Phương	Trâm	06/05/2001	Bình Thuận	5.0	8.6	7.3	6.0	26.9	6.7	Đậu	
152	VHU.TAC1.01.152	218A140165	Phạm Thị Bảo	Trần	16/08/1987	Bến Tre	6.5	7.9	8.7	6.3	29.4	7.4	Đậu	
153	VHU.TAC1.01.153	191A140101	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	23/10/2001	Ninh Thuận					0.0	0.0	Rớt	Vắng
154	VHU.TAC1.01.154	218A140012	Nguyễn Thị Như	Trang	15/04/1984	Đắk Lắk	6.5	9.1	8.7	7.8	32.1	8.0	Đậu	
155	VHU.TAC1.01.155	171A140141	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	22/07/1999	TP. Hồ Chí Minh	4.5	3.3	6.7	4.0	18.5	4.6	Rớt	
156	VHU.TAC1.01.156	161A030205	Huỳnh Thị Thu	Trang	26/07/1998	TP. Hồ Chí Minh	7.5	4.6	4.2	3.5	19.8	5.0	Đậu	BL: Nói: 7.5
157	VHU.TAC1.01.157	218A140123	Nguyễn Thị Nhu	Trang	10/09/1992	Lâm Đồng	6.0	8.6	7.6	6.8	29.0	7.3	Đậu	
158	VHU.TAC1.01.158	218A140181	Cao Thị Thuý	Trang	10/02/1995	Long An	4.5	8.1	7.7	3.0	23.3	5.8	Đậu	
159	VHU.TAC1.01.159	191A140239	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/1/2001	Long An	6.0	8.7	7.3	6.0	28.0	7.0	Đậu	
160	VHU.TAC1.01.160	218A140094	Nguyễn Phạm Mai	Trang	09/07/1987	Đồng Nai	5.0	7.3	5.9	6.0	24.2	6.1	Đậu	
161	VHU.TAC1.01.161	218A140085	Dương Ngọc Minh	Triết	10/07/1982	Kiên Giang	5.5	4.3	4.5	3.5	17.8	4.5	Rớt	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
162	VHU.TAC1.01.162	191A140265	Nguy Kim	Trinh	18/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	6.0	10.0	9.5	8.3	33.8	8.5	Đậu	
163	VHU.TAC1.01.163	218A140095	Phạm Thị Tuyết	Trinh	12/11/1988	Bình Định	5.5	7.3	5.9	3.8	22.5	5.6	Đậu	
164	VHU.TAC1.01.164	218A140175	Trần Thị	Trong	11/04/1994	Cà Mau	5.5	8.3	8.0	4.0	25.8	6.5	Đậu	
165	VHU.TAC1.01.165	218A140103	Võ Văn	Trọng	25/08/1983	Bình Thuận	6.0	5.6	4.2	1.5	17.3	4.3	Rớt	
166	VHU.TAC1.01.166	151A140472	Lê Quốc	Trọng	09/02/1997	Bình Định	6.0	3.0	3.1	1.5	13.6	3.4	Rớt	BL: Nói: 6.0
167	VHU.TAC1.01.167	181A140304	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	07/01/2000	Tây Ninh	6.5	7.3	5.6	4.3	23.7	5.9	Đậu	
168	VHU.TAC1.01.168	161A140317	Võ Thị Xuân	Trúc	16/10/1998	Long An	7.5	6.6	6.2	4.5	24.8	6.2	Đậu	
169	VHU.TAC1.01.169	218A140141	Võ Minh	Trúc	31/01/1988	Tiền Giang	7.0	2.6	5.6	3.5	18.7	4.7	Rớt	
170	VHU.TAC1.01.170	218A140049	Nguyễn Minh	Trung	24/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	6.0	5.6	6.3	3.3	21.2	5.3	Đậu	
171	VHU.TAC1.01.171	218A140147	Nguyễn Quốc	Trung	10/02/1989	Ninh Thuận	3.0	5.6	4.9	0.8	14.3	3.6	Rớt	
172	VHU.TAC1.01.172	218A140035	Nguyễn Ngọc	Trung	01/08/1982	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
173	VHU.TAC1.01.173	218A140063	Vũ Nguyễn Tấn	Trung	28/09/1993	Hồ Chí Minh	6.5	5.9	4.2	5.0	21.6	5.4	Đậu	
174	VHU.TAC1.01.174	218A140010	Phan Thanh	Tuân	04/11/1988	Tây Ninh	4.5	9.1	7.8	5.0	26.4	6.6	Đậu	
175	VHU.TAC1.01.175	218A140066	Nguyễn Ngọc	Tuấn	25/08/1975	Đồng Nai	8.5	4.3	5.6	2.0	20.4	5.1	Rớt	
176	VHU.TAC1.01.176	218A140033	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	06/10/1995	Tây Ninh	9.5	3.0	3.9	5.0	21.4	5.4	Đậu	
177	VHU.TAC1.01.177	218A140009	Hứa Minh	Tuấn	16/09/1980	Long An	5.5	9.6	6.3	4.0	25.4	6.4	Đậu	
178	VHU.TAC1.01.178	218A140051	Đinh Anh	Tuấn	21/02/1985	Phú Thọ	8.0	8.3	2.8	2.5	21.6	5.4	Rớt	
179	VHU.TAC1.01.179	218A140121	Nguyễn Thị	Tươi	30/12/1985	Gia Lai	6.0	5.6	5.6	5.0	22.2	5.6	Đậu	
180	VHU.TAC1.01.180	181A140029	Nguyễn Thị Thu	Tuyền	27/02/2000	Tây Ninh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
181	VHU.TAC1.01.181	181A140508	Đoàn Thị Thu	Uyên	01/05/2000	An Giang	6.9	2.3	5.0	3.0	17.2	4.3	Rớt	BL: Nói: 6.9
182	VHU.TAC1.01.182	181A140209	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	26/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	4.0	7.6	2.2	4.0	17.8	4.5	Rớt	
183	VHU.TAC1.01.183	218A140083	Kiều Thị Đào	Uyên	18/08/1983	HCM	7.5	2.3	1.7	0.5	12.0	3.0	Rớt	
184	VHU.TAC1.01.184	171A140353	Siu La	Va	24/08/1999	Kon Tum	9.0	7.6	2.8	3.5	22.9	5.7	Rớt	
185	VHU.TAC1.01.185	181A140517	Ngô Thị	Vân	29/04/2000	Tây Ninh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
186	VHU.TAC1.01.186	161A140183	Cao Thị Hồng	Vân	19/10/1998	Long An	6.0	8.9	9.2	7.3	31.4	7.9	Đậu	
187	VHU.TAC1.01.187	218A140170	Thái Thanh	Vân	03/05/1977	Tây Ninh	5.5	9.2	8.4	3.5	26.6	6.7	Đậu	
188	VHU.TAC1.01.188	181A080323	Triệu Gia	Vinh	01/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	9.0	9.4	7.8	6.5	32.7	8.2	Đậu	
189	VHU.TAC1.01.189	218A140214	Nguyễn Hoàng	Vinh	07/07/1992	Bình Phước		2.3	3.6	3.0	8.9	2.2	Rớt	
190	VHU.TAC1.01.190	151A140301	Đặng Quang	Vũ	25/04/1993	Gia Lai					0.0	0.0	Rớt	Vắng
191	VHU.TAC1.01.191	181A140210	Nguyễn Duy	Vũ	22/05/2000	Bình Thuận	8.5	5.6	4.8	3.5	22.4	5.6	Đậu	
192	VHU.TAC1.01.192	181A140035	Nguyễn Trường	Vũ	12/01/2000	Đồng Nai	5.5	5.3	3.9	3.0	17.7	4.4	Rớt	BL: Nói: 5.5
193	VHU.TAC1.01.193	218A140044	Trần Gia	Vượng	01/03/1998	Gia Lai					0.0	0.0	Rớt	Vắng
194	VHU.TAC1.01.194	151A140619	Nguyễn Thị Thủy	Vy	10/09/1997	Gia Lai	7.0	10.0	8.3	6.8	32.1	8.0	Đậu	BL: Nói: 7.0, Đọc: 5.0
195	VHU.TAC1.01.195	181A140149	Nguyễn Trần Phương	Vy	26/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.0	6.1	0.0	3.8	14.9	3.7	Rớt	BL: Nói: 5.0
196	VHU.TAC1.01.196	218A140021	Nguyễn Thị Hà	Xuyên	02/01/1996	Hà Tĩnh	9.0	6.6	7.8	5.5	28.9	7.2	Đậu	
197	VHU.TAC1.01.197	218A140218	Trần Thị Bạch	Yến	14/06/1985	Khánh Hòa	9.0	8.4	6.6	5.3	29.3	7.3	Đậu	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 197

Số thí sinh dự kiểm tra: 171

Số thí sinh vắng kiểm tra: 26

Số thí sinh rớt: 38

Số thí sinh đậu: 133

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC